

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2011/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2011 và các văn bản đồng ý với nội dung biên bản hòa giải thành.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1) Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn M** - Sinh năm: 1962, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn P** - Sinh năm: 1976, địa chỉ: Khu phố D, thị trấn E, huyện C, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 08/3/2019).

1.2) Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N** - Sinh năm: 1949; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh P** - Sinh năm: 1974, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 07/11/2016).

1.3) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1949;

1.3.2. Bà Nguyễn Thị R - Sinh năm: 1944;

1.3.3. Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1966;

1.3.4. Bà **Nguyễn Thị D** - Sinh năm: 1957;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.3.5. Ông **Nguyễn Văn S** - Sinh năm: 1953;

1.3.6. Ông **Nguyễn Văn T** - Sinh năm: 1960;

1.3.7. Ông **Nguyễn Văn T1** - Sinh năm: 1956 (đã chết)

Cùng địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Bến Tre .

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn T1:

+ Bà **Châu Thị L** - Sinh năm: 1958; địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre - Là vợ của ông Nguyễn Văn T1.

+ Anh **Nguyễn Phương T** - Sinh năm: 1983; địa chỉ: ấp M, xã N, thành phố O, tỉnh Trà Vinh - Là con ruột của ông Nguyễn Văn T1.

+ Anh **Nguyễn Tân X** - Sinh năm: 1981; địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Bến Tre - Là con ruột của ông Nguyễn Văn T1.

+ Chị **Nguyễn Thị C**; địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre - Là con ruột của ông Nguyễn Văn T1.

1.3.8. Ông **Võ Công H** - Sinh năm: 1964, bà **Nguyễn Thị Sáu C** - Sinh năm: 1965; cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.3.9. **V Bến Tre - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Z**, địa chỉ: Đường S, Phường T, thành phố P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Hoàng D** - Sinh năm: 1992, địa chỉ: Đường S, Phường T, thành phố P, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 25/3/2019).

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Phần di sản mà ông Nguyễn Văn M được chia bao gồm các phần như sau:

2.1.1. Ông Nguyễn Văn M được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.314m² thuộc thửa A và một phần thửa B tờ bản đồ số R, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre và cây trồng trên đất (có họa đồ kèm theo).

2.1.2. Ông Võ Công H, bà Nguyễn Thị Sáu C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.071m² thuộc thửa đất số C, tờ bản đồ số R, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có họa đồ kèm theo) và cây trồng trên đất. Đây là phần đất mà ông Nguyễn Văn M đã chuyển nhượng cho ông Võ Công H, bà Nguyễn Thị Sáu C và ông Võ Công H, bà Nguyễn Thị Sáu C đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 17/9/2009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Q.

2.2) Ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng phần đất có diện tích 807m² thuộc một phần thửa đất số A, tờ bản đồ số R, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có họa đồ kèm theo) và cây trồng trên đất.

2.3) Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre điều chỉnh, xử lý các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn M có liên quan đến các phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật (*các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn M vào ngày 03/01/2008, số vào số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T, U, V*).

2.4) Ghi nhận các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu xử lý đối với số tiền là 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm ngàn đồng) mà tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2006/DSST ngày 30/10/2006 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre đã tuyên: “*Bà Nguyễn Thị R phải trả cho các đồng thừa kế gồm: Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Kim N mỗi người 300.000 đồng*”.

2.5) Ghi nhận ông Nguyễn Văn M không yêu cầu xem xét, xử lý số tiền mà ông phải hoàn lại cho các đồng thừa kế là Nguyễn Thị R, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Kim N mỗi người là 2.020.000đ (hai triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) theo nội dung bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2006/DSST ngày 30/10/2006 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre đã tuyên.

2.6) Ghi nhận ông Võ Công H, bà Nguyễn Thị Sáu C và V Bến Tre - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Z không có tranh chấp gì về hợp đồng thuê đất đặt trạm I tại phần đất thuộc thửa C, tờ bản đồ số R, tọa lạc tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre để giải quyết trong vụ án này.

2.7) Về chi phí cho việc đo đạc, định giá tài sản:

2.7.1. Ông Nguyễn Văn M nhận chịu 147.312đ (một trăm bốn mươi bảy ngàn ba trăm mười hai đồng) tiền chi phí cho việc đo đạc, số tiền này ông M đã nộp đủ.

7.2) Ông Nguyễn Văn N nhận chịu 2.672.920đ (hai triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn chín trăm hai mươi đồng) tiền chi phí cho việc đo đạc, định giá tài sản, số tiền này ông Nguyễn Văn N đã nộp đủ.

2.8) Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.8.1. Ông Nguyễn Văn M nhận chịu 5.309.000đ (năm triệu ba trăm lẻ chín ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông M đã nộp là 1.100.000đ (một triệu một trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006325 ngày 23 tháng 6 năm 2006 của Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre và số tiền là 915.000đ (chín trăm mười lăm ngàn đồng) mà ông Nguyễn Văn M đã nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 049531 ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Thi hành án dân sự huyện

C, tỉnh Bến Tre, như vậy ông Nguyễn Văn M còn phải tiếp tục nộp 3.294.000đ (ba triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.8.2. Ông Nguyễn Văn N nhận chịu 1.815.500đ (một triệu tám trăm mười lăm ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng ông N là người cao tuổi nên ông N được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 997.500đ (chín trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006311 ngày 12/6/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre và 116.000đ (một trăm mười sáu ngàn đồng) tiền án phí mà ông Nguyễn Văn N đã nộp theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 049612 ngày 24/7/2007 của Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

2.8.3. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị R, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T mỗi người là 116.000đ (một trăm mười sáu ngàn đồng) tiền án phí mà mỗi ông, bà đã nộp theo các biên lai thu tiền phí, lệ phí số: 049530 ngày 15/8/2007, 049532 ngày 15/8/2007, 049529 ngày 15/8/2007, 049642 ngày 10/8/2007, 049641 ngày 10/8/2007, 049640 ngày 10/8/2007 của Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên